SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cử nhân/ Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Đặng Công Chánh**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006466/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	20,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Tiêu hóa	75
2	Mạc Quốc Dũng	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006487/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				
3	Đinh Thị Huệ	BS	Bác sĩ đa khoa	0007667/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7,00				
4	Đàng Nguyễn Ái Vân	BS	Bác sĩ đa khoa	0009518/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,08				
5	Lê Nguyên Thúy Vi	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006723/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	16,00				
6	**Nguyễn Thị Ly Ly**	ThSBS	Bác sĩ y đa khoa	006480/ĐNAI-CCHN, QĐ số: 714/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa siêu âm tim mạch máu	17,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm	K. Tim mạch - thận niệu	40
7	Nguyễn Quang Tuấn	BS	Bác sĩ đa khoa	0008912/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,92				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
8	Phạm Minh Hằng	BS	Bác sĩ Y đa khoa	0009643/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75		sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng		
9	Trần Thị Thanh	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002580/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
10	**Nguyễn Thanh Quyền**	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006165/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	21,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Bệnh Nhiệt đới	100
11	Hán Bình Thuận	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006302/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	10,00				
12	Đinh Thị Trinh	BS	Bác sĩ y đa khoa	0009639/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
13	Trịnh Thụy Phượng Uyên	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007953/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
14	**Nguyễn Thị Tuyết Anh**	BSCKII	Bác sĩ đa khoa	006170/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	26,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Huyết học - thần kinh	58
15	Vũ Thị Thu Hạnh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006171/ĐNAI-CCHN, QĐ số 902/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi; Khám bệnh, chữa	18,00				
16	H'Nuôn Ayun	BS	Bác sĩ đa khoa	0008273/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi-nhiễm	8,00				
17	Vũ Quốc Luận	BS	Bác sĩ đa khoa	006173/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	5,08				
18	Lê Thị Hậu	BS	Bác sĩ y đa khoa	0009768/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,67				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
19	Trần Xuân Lam	BS	Bác sĩ Y đa khoa	010089/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,50	Chăm sóc sức khỏe trẻ em			
20	Nguyễn Thị Thanh Xuân	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007945/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	20,00				
21	**Phạm Anh Tuấn**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006296/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	33,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Ngoại tổng hợp	38
22	Chu Văn Lai	ThSBS	Bác sĩ đa khoa	0007098/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	9,00				
23	Phan Trần Đức	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006301/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	28,00				
24	Phạm Đức Minh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	0007658/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	8,00				
25	Bùi Đình Hà	BS	Bác sĩ đa khoa	0009687/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	2,75				
26	**Trương Thị Sang**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006463/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	28,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Sơ sinh	55
27	Ng Trần Tố Nữ Yến Vân	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006314/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	19,00				
28	Lê Thị Hà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002731/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	23,00				
29	Trần Thị Minh Sang	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002606/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
30	**Lưu Thị Ngọc Hương**	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	0007943/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	23,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Hô hấp1, K. Hô hấp 2	112
31	Đỗ Ngọc Tuấn	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006479/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
32	Lê Anh Phong	ThSBS	Y khoa	006292/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
33	Lý Hoàng Nghi	BS	Bác sĩ đa khoa	0009686/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
34	Phan Văn Trọng	BS	Bác sĩ	010390/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	1,58				
35	**Phạm Thị Thu Thủy**	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006473/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi-nhiễm	28,00				
36	Phạm Duy Khánh	BS	Bác sĩ y khoa	0007962/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				
37	Tống Thị Luyện	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	004988/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
38	**Ngô Văn Phan**	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006467/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	19,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Tai mũi họng	6
39	**Trần Thị Bảo Thu**	BSCKI	Bác sĩ Y khoa	000213/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM	30,00		Thực hiện theo Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011: Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe; Chăm sóc về tinh thần; Chăm sóc vệ sinh cá nhân; Chăm sóc dinh dưỡng; Chăm sóc phục hồi chức năng; Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho bệnh nhi; Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; Theo dõi, đánh giá bệnh nhi; Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc bệnh nhi; Ghi chép hồ sơ bệnh án; Thực hiện chăm sóc bệnh nhi theo quy trình điều dưỡng	K. Răng hàm mặt	6

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Da Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cử nhân/ Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Nguyễn Văn Bông	ThSBS	Bác sỹ	003129/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học	6,00	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm (Huyết học nâng cao)	**Huyết học:** Kỹ thuật lấy máu toàn phần; Kỹ thuật miễn dịch máu; Các xét nghiệm trước và sau truyền máu	K. Xét nghiệm/ phòng Huyết học	
2	Hồ Kim Loan	CNXN	Cử nhân kỹ thuật y học	004985/ĐNAI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	31,00	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Hóa sinh	**Hóa sinh:** Lấy và bảo quản mẫu thử; Định lượng Albumin trong huyết thanh; Định lượng Protein toàn phần trong huyết tương; Định lượng Amylase trong huyết thanh; Định lượng Bilirubin trong huyết thanh; Định lượng BUN (Blood Urea Nitrogen); Định lượng Calcium trong huyết thanh; Định lượng Choride trong huyết thanh; Định lượng Cholesterol trong huyết thanh; Định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh; Định lượng Creatinin trong huyết thanh; Định lượng Fibrinogen trong huyết tương; Định lượng Glucose trong huyết thanh; Định lượng Triglyceride trong huyết thanh; Định lượng Potasium trong huyết thanh; Định lượng AST trong huyết thanh; Định lượng AST trong huyết thanh; Định lượng ALT trong huyết thanh; Chương 20. Xét nghiệm 10 thông số của nước tiểu; Định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh	K. Xét nghiệm/ phòng Hóa sinh	
							Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng nâng cao	Chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét bằng kỹ thuật chuẩn đoán nhanh: phát hiện kháng nguyên.	K. Xét nghiệm/ phòng Ký sinh trùng	0

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng nâng cao	Chẩn đoán ký sinh trùng sốt rét bằng kỹ thuật chuẩn đoán nhanh: phát hiện kháng nguyên.	K. Xét nghiệm/ phòng Ký sinh trùng	0
3	Đàm Thị Kiều Oanh	CNXN	Cử nhân xét nghiệm	002450/ĐNAI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19,00	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh - Ký sinh trùng	**Vi sinh:** Các phương pháp nhuộm (Gram, kháng acid, nhuộm hạt biến sắc, nhuộm lưỡng cực); Kỹ thuật soi tươi; Nhận định kết quả khảo sát trên kính hiển vi; Cách pha chế một số môi trường nuôi cấy; Kỹ thuật cấy vi khuẩn; Kỹ thuật định danh vi khuẩn – nhóm cầu khuẩn: Tụ cầu khuẩn, Phế cầu khuẩn, Màng não cầu - Lậu cầu; Kỹ thuật định danh vi khuẩn – nhóm trực khuẩn: Các phản ứng sinh hóa định danh nhóm trực khuẩn gram âm, Trực khuẩn dịch hạch; Heamophilus infuenzae, Trực khuẩn mủ xanh	K. Xét nghiệm/phòng Vi sinh	
								Ký sinh trùng: Thu thập và bảo quản phân để xét nghiệm tìm ký sinh trùng; Kỹ thuật xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng; Các kỹ thuật nhuộm mẫu phân; Kỹ thuật làm làn máu mỏng và giọt máu dày; Kỹ thuật nhuộm tiêu bản máu ký sinh trùng sốt rét; Kỹ thuật khảo sát tiêu bản máu; Xét nghiệm vi nấm; Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản tìm nấm	K. Xét nghiệm/ phòng Ký sinh trùng	

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Đa Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Lưu Thị Ngọc Hương**	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	0007943/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	23,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em **Môn học 12:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao nội nhi **Môn học 15:** Thực tập thực tế ngành điều dưỡng	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ hô hấp **Môn học 12:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Chăm sóc trẻ hen phế quản; Chăm sóc trẻ bệnh viêm tiểu phế quản; Lấy máu làm xét nghiệm; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Cho người bệnh thở oxy; Phun khí dung cho trẻ; Theo dõi SpO2; Cho trẻ uống thuốc; Thông tiểu liên tục. **Môn học 15:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa	Khoa Hô hấp 1, Hô hấp 2	112
2	Đỗ Ngọc Tuấn	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006479/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
3	Lê Anh Phong	ThSBS	Y khoa	006292/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
4	Lý Hoàng Nghi	BS	Bác sĩ đa khoa	0009686/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
5	Phan Văn Trọng	BS	Bác sĩ	010390/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	1,58				
6	Nguyễn Thị Ngọc	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002536/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	30,00				
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	004992/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	16,00				
8	Nguyễn Thị Thảo	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002401/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	15,00				
9	Nguyễn Thị Lan Phương	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006729/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
10	Nguyễn Thị Bích Huyền	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	0008600/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,25				
11	Phan Thị Hồng Anh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	0009032/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	3,75				
12	**Phạm Thị Thu Thủy**	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006473/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi-nhiễm	28,00				
13	Phạm Duy Khánh	BS	Bác sĩ y khoa	0007962/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				
14	Tống Thị Luyện	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	004988/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
15	Nguyễn Thị Hải	CĐĐD	Điều dưỡng cao đẳng	002391/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	32,00				
16	Đinh Thị Bích Hoà	CĐĐD	Điều dưỡng cao đẳng	002595/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
17	Nguyễn Thị Ngọc Liêm	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002546/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	8,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
18	Đồng Thị Ngọc Quỳnh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	010579/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	2,08				
19	**Đặng Công Chánh**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006466/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	20,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em **Môn học 15:** Thực tập thực tế ngành điều dưỡng	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý hệ tiêu hóa **Môn học 15:** Chăm sóc trẻ bệnh tiêu chảy cấp; Chăm sóc trẻ hội chứng nôn và táo bón; Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng nặng; Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu VTM D; Chăm sóc trẻ sốt cao co giật.	Khoa Tiêu hóa	75
20	Mạc Quốc Dũng	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006487/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				
21	Lê Thị Đẹp	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006287/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	26,00				
22	Đinh Thị Huệ	BS	Bác sĩ đa khoa	0007667/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7,00				
23	Đàng Nguyễn Ái Vân	BS	Bác sĩ đa khoa	0009518/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,08				
24	Lê Nguyên Thúy Vi	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006723/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	16,00				
25	Trần Thị Thu Hồng	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002378/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
26	Phạm Thị Vân	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002381/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
27	Đặng Kim Thi	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006506/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
28	Võ Thị Diễm Thi	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006759/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
29	Nguyễn Thị Bích	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0009327/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	3,25				
30	**Nguyễn Thị Ly Ly**	ThSBS	Bác sĩ y đa khoa	006480/ĐNAI-CCHN, QĐ số: 714/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa siêu âm tim mạch máu	17,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em **Môn học 12:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao nội nhi **Môn học 15:** Thực tập thực tế ngành điều dưỡng	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Lập KHCS trẻ mắc bệnh lý tiết niệu; Lập KHCS trẻ mắc bệnh hệ tuần hoàn **Môn học 12:** Đo điện tim **Môn học 15:** Chăm sóc trẻ bệnh viêm cầu thận cấp; Chăm sóc trẻ bệnh hội chứng thận hư; Chăm sóc trẻ nhiễm trùng tiểu; Chăm sóc trẻ bệnh tim bẩm sinh; Chăm sóc trẻ bệnh thấp tim.	Khoa Tim mạch - Thận niệu	40
31	Nguyễn Quang Tuấn	BS	Bác sĩ đa khoa	0008912/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,92				
32	Phạm Minh Hằng	BS	Bác sĩ Y đa khoa	0009643/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
33	Trần Thị Thanh	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002580/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
34	Trần Phương Thủy	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006730/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	9,00				
35	Phạm Thị Thanh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006731/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	11,00				
36	Nguyễn Thị Huế	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0007946/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	8,00				
37	**Nguyễn Thanh Quyền**	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006165/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	21,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho	Khoa Bệnh Nhiệt đới	100
38	Hán Bình Thuận	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006302/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	10,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
39	Đinh Thị Trinh	BS	Bác sĩ y đa khoa	0009639/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75	**Môn học 15:** Thực tập thực tế ngành điều dưỡng	người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt **Môn học 15:** Chăm sóc trẻ bệnh sốt xuất huyết; Chăm sóc trẻ bệnh sởi; Chăm sóc trẻ bệnh tay chân miệng.		
40	Trịnh Thụy Phượng Uyên	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007953/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
41	Lê Quốc Song	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002679/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	24,00				
42	Võ Thị Hằng	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002354/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	22,00				
43	Ngô Thị Hòa	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002726/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	20,00				
44	Trần Thị Thông	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002426ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	15,00				
45	Trần Thị Thủy Tiên	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007944/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
46	Nguyễn Thị Ban	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008801/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,00				
47	**Nguyễn Thị Tuyết Anh**	BSCKII	Bác sĩ đa khoa	006170/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	26,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt	Khoa Huyết học thần kinh	58
48	Vũ Thị Thu Hạnh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006171/ĐNAI-CCHN, QĐ số 902/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	18,00				
49	H'Nuôn Ayun	BS	Bác sĩ đa khoa	0008273/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi-nhiễm	8,00				
50	Vũ Quốc Luận	BS	Bác sĩ đa khoa	006173/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	5,08				
51	Lê Thị Hậu	BS	Bác sĩ y đa khoa	0009768/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,67				
52	Trần Xuân Lam	BS	Bác sĩ Y đa khoa	010089/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,50				
53	Nguyễn Thị Thanh Xuân	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007945/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	20,00				
54	Mai Thị Thu Hiền	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002376/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	17,00				
55	Bạch Thị Thu Thảo	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002380/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	9,00				
56	Ngô Thị Phương Chi	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006740/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
57	Hoàng Thị Ánh Vân	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006737/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
58	Nguyễn Thị Thế	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002543/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
59	**Phạm Anh Tuấn**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006296/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	33,00	**Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em **Môn học 13:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em ngoại nhi **Môn học 15:** Thực tập thực tế nghề nghiệp	**Môn học 5:** Tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị, ghi hồ sơ ; Đo dấu hiệu sinh tồn; Cho người bệnh uống thuốc; Pha thuốc kháng sinh; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Truyền dịch; Lấy máu xét nghiệm; Thay băng vết thương thường; Thay băng vết thương ống dẫn lưu; Cắt chỉ vết khâu; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt **Môn học 13:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi;Chăm sóc trẻ lồng ruột; Chăm sóc trẻ hisprung; Chăm sóc trẻ lỗ tiểu thấp; Chăm sóc trẻ hẹp bao quy đầu; Lấy máu làm xét nghiệm; Thay băng vết bỏng; Thay băng vết thương khâu; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Thông tiểu liên tục. **Môn học 15:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa ngoại; Nhận định một số bệnh thường gặp ở bệnh nhân ngoại khoa; Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và sau phẫu thuật; Đo và theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở cho người bệnh; Tiêm trong da; Tiêm dưới da; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Hút đàm nhớt; Cho người bệnh thở oxy; Gội đầu, vệ sinh cho người bệnh ngoại khoa; Thay băng có ống dẫn lưu; Cắt chỉ vết thương; Thông tiểu thường; Thông tiểu liên tục; Rửa bàng quang; Thay băng, chăm sóc vết thương; Lấy máu và các bệnh phẩm xét nghiệm; Thay vải trải giường, thay quần áo cho người bệnh sau phẫu thuật; Cho bệnh nhân ăn qua ống thông mũi - dạ dày; Phụ tiếp dụng cụ phẫu thuật đơn giản; Phụ giúp Bác sĩ cố định gãy xương, bó bột; Phụ giúp Bác sĩ chích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu; Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ; Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật; Bơm rửa ống dẫn lưu mật {Kehr}; Cách đo điện tâm đồ; Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa; Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của người bệnh	Khoa Ngoại tổng hợp	38
60	Chu Văn Lai	ThSBS	Bác sĩ đa khoa	0007098/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	9,00				
61	Phan Trần Đức	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006301/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	28,00				
62	Phạm Đức Minh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	0007658/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	8,00				
63	Bùi Đình Hà	BS	Bác sĩ đa khoa	0009687/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	2,75				
64	Vương Thị Kim Nhung	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002538/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	34,00				
65	Nguyễn Thị Thu (B)	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002657/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
66	Lê Thị Mỹ Lệ	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	005566/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
67	**Nguyễn Trọng Nghĩa**	ThSBS	Bác sĩ y khoa	006547/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	21,00	**Môn học 12:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao nội nhi	**Môn học 12:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Lấy máu làm xét nghiệm; Chăm sóc bệnh nhân thở máy; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Cho người bệnh thở oxy; Phun khí dung cho trẻ; Theo dõi SpO2; Theo dõi người bệnh bằng máy monitor; Cho trẻ uống thuốc; Thông tiểu liên tục	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	28
68	Phạm Thị Kiều Trang	ThSBS	Bác sĩ y khoa	006471/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	11,00				
69	Trần Lê Duy Cường	ThSBS	Bác sĩ	0003644/KH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	4,08				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
70	Phạm Thị Vân Anh	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	006743/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	21,00				
71	Trương Thị Ngọc Lan	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002604/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
72	Tăng Kim Chi	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0008783/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,00				
73	**Nguyễn Đức Hoài**	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006550/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	23,00	**Môn học 12:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao nội nhi	**Môn học 12:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Lấy máu làm xét nghiệm; Chăm sóc bệnh nhân thở máy; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Cho người bệnh thở oxy; Phun khí dung cho trẻ; Theo dõi SpO2; Cho trẻ uống thuốc; Thông tiểu liên tục.	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu	0
74	Lê Thị Hương Xuân	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002585/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
75	Hoàng Thanh Xuân	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002584/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
76	Triệu Thị Định	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008655/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,25				
77	**Trần Thị Bích Phượng**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006307/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	29,00	**Môn học 12:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao nội nhi	**Môn học 12:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Chăm sóc trẻ dị tật bẩm sinh; Lấy máu làm xét nghiệm; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Cho người bệnh thở oxy; Phun khí dung cho trẻ; Theo dõi SpO2; Theo dõi người bệnh bằng máy monitor; Cho trẻ uống thuốc; Thông tiểu liên tục.	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	35
78	Huỳnh Thị Thanh	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006304/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	17,00				
79	Nguyễn Thị Phượng	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006190/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
80	Phạm Thị Hằng	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006176/ĐNAI-CCHN	Hộ sinh	21,00				
81	Trần Tôn Nữ Anh Ty	CĐHS	Cao đẳng hộ sinh	006178/ĐNAI-CCHN	Hộ sinh	21,00				
82	Nguyễn Ngọc Ngôn	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002613/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
83	Nguyễn Thị Thanh Hiệp	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002618/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
84	**Phạm Đông Đoài**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006294/ĐNAI-CCHN, QĐ số 320/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chấn thương chỉnh hình - ngoại nhi	22,00	**Môn học 13:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em ngoại nhi	**Môn học 13:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Chăm sóc trẻ bỏng do nhiệt; Chăm sóc trẻ bán trật chỏm quay; Thay băng vết bỏng; Thay băng vết thương khâu; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Thông tiểu liên tục.	Khoa Chấn thương chỉnh hình - Bỏng	44
85	Phạm Văn Khương	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006174/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	12,00				
86	Trịnh Hiệp Đức	BS	Bác sĩ đa khoa	0007683/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	8,00				
87	Nguyễn Văn Toàn	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006644/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	5,08				
88	Nguyễn Văn Hải	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002674/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
89	Phạm Thanh Thủy	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	0008597/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,25				
90	**Vũ Công Tầm**	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006303/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	26,00	**Môn học 13:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em ngoại nhi	**Môn học 13:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Chăm sóc trẻ bỏng do nhiệt; Chăm sóc trẻ bán trật chỏm quay; Thay băng vết bỏng; Thay băng vết thương khâu; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm truyền dung dịch; Thông tiểu liên tục.	Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	12
91	Vương Doãn Đan Phương	ThSBS	Bác sĩ y khoa	006306/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	10,00				
92	Hồ Thị Yến	CNĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006714/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	24,00				
93	**Trương Thị Sang**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006463/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	28,00	**Môn học 15:** Thực tập thực tế ngành điều dưỡng	**Môn học 15:** Chăm sóc trẻ thiếu máu do thiếu sắt; Chăm sóc trẻ xuất huyết não, màng não; Chăm sóc trẻ nhiễm trùng sơ sinh, vàng da sơ sinh.	Khoa Sơ sinh	55
94	Ng Trần Tố Nữ Yến Vân	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006314/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	19,00				
95	Lê Thị Hà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002731/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	23,00				
96	Trần Thị Minh Sang	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002606/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
97	Nguyễn Thị Tân	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008656/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
98	Nguyễn Thị Hương	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002605/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
99	Phạm Thị Trang	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	005570/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
100	Lê Thị Kiều Diễm	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	005571/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
101	Chu Thị Phương Dung	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006195/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Đa Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Hộ sinh

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Trần Thị Bích Phượng**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006307/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	29,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - KHHGĐ (Chăm sóc trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi) **Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện (chăm sóc sơ sinh nâng cao)	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhi đến khám bệnh và điều trị tại khoa; Cân đo và theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở cho bệnh nhi; Chăm sóc bệnh nhi sốt; Pha Oresol, hướng dẫn sử dụng cách cho uống Oresol; Cho trẻ uống thuốc; Tiêm dưới da; Tiêm bắp; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm tĩnh mạch (qua catheter); Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhân thở oxy; Hút đàm nhớt; Tiêm, truyền qua bơm tiêm tự động; Cho trẻ ăn qua sonde mũi - dạ dày; Phun khí dung qua mặt nạ; Chăm sóc rốn cho trẻ; Chăm sóc trẻ chiếu đèn vàng da; Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ; Lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhi. **Môn học 5:** Tiếp nhận trẻ đến khám bệnh và điều trị tại khoa sơ sinh và khoa hồi sức sơ sinh; Chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng; Chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng; Chăm sóc trẻ sơ sinh suy hô hấp; Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi; Chăm sóc trẻ sơ sinh tại khoa hồi sức sơ sinh- Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng; Chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo; Chăm sóc trẻ sơ sinh dinh dưỡng qua sonde dạ dày- Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	35
2	Huỳnh Thị Thanh	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006304/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	17,00				
3	Nguyễn Thị Phượng	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006190/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
4	Phạm Thị Hằng	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006176/ĐNAI-CCHN	Hộ sinh	21,00				
5	Trần Tôn Nữ Anh Ty	CĐHS	Cao đẳng hộ sinh	006178/ĐNAI-CCHN	Hộ sinh	21,00				
6	Nguyễn Ngọc Ngôn	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002613/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
7	Nguyễn Thị Thanh Hiệp	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002618/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
8	**Trương Thị Sang**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006463/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	28,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - KHHGĐ (Chăm sóc trẻ sơ sinh và	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhi đến khám bệnh và điều trị tại khoa; Cân đo và theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở cho bệnh nhi; Chăm sóc bệnh nhi sốt; Pha Oresol, hướng dẫn sử dụng cách cho uống Oresol; Cho trẻ uống thuốc; Tiêm dưới da; Tiêm bắp; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm tĩnh mạch (qua	Khoa Sơ sinh	55
9	Ng Trần Tố Nữ Yến Vân	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006314/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	19,00				

[illegible]	[illegible]	[illegible] khoa, nội trú...	[illegible] được đào tạo	[illegible] nghề	[illegible]	[illegible] nghiệm KCB	[illegible]	[illegible]	[illegible] đạt yêu cầu thực hành	[illegible] đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
10	Lê Thị Hà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002731/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	23,00	trẻ dưới 5 tuổi) **Môn học 5:** Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện (chăm sóc sơ sinh nâng cao)	catheter); Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhân thở oxy; Hút đàm nhớt; Tiêm, truyền qua bơm tiêm tự động; Cho trẻ ăn qua sonde mũi - dạ dày; Phun khí dung qua mặt nạ; Chăm sóc rốn cho trẻ; Chăm sóc trẻ chiếu đèn vàng da; Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ; Lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhi. **Môn học 5:** Tiếp nhận trẻ đến khám bệnh và điều trị tại khoa sơ sinh và khoa hồi sức sơ sinh; Chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng.		
11	Trần Thị Minh Sang	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002606/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
12	Nguyễn Thị Tân	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008656/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
13	Nguyễn Thị Hương	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002605/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
14	Phạm Thị Trang	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	005570/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
15	Lê Thị Kiều Diễm	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	005571/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
16	Chu Thị Phương Dung	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006195/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

LẬP BẢNG

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Ngọc Thi

Nguyễn Lê Da Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Phục hồi chức năng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Phạm Phú Phong	CNVLTL	Cử nhân Vật lý trị liệu	002703/ĐNAI-CCHN	Thực hiện KTCM về VLTL	5,17	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng 2 (Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ xương: Vật lý trị liệu hệ thần kinh cơ, các tạng) **Môn học 4:** Thực hành kỹ năng lâm sàng Vật lý trị liệu bệnh trẻ em (Vật lý trị liệu Nhi: Vật lý trị liệu trẻ chậm phát triển và tự kỷ; Y học cổ truyền và dưỡng sinh)	**Môn học 3:** Tiếp nhận người bệnh đến khám bệnh và điều trị tại khoa; Thực hiện Kỹ thuật lượng giá chức năng: thử cơ, đo tầm vận động, đo chu vi chi; Làm bệnh án VLTL – PHCN cho người bệnh hệ cơ xương; Làm bệnh án VLTL – PHCN cho người bệnh hệ thần kinh, cơ; Tập vận động thụ động, trợ giúp, tự do, có đề kháng; Kỹ thuật kéo giãn; Kỹ thuật co – nghỉ và giữ nghỉ; Kỹ thuật thư giãn; Kỹ thuật kéo lưng, kéo cổ; Hướng dẫn người bệnh di chuyển với dụng cụ trợ giúp di chuyển (gậy, nạng, xe lăn…); Kỹ thuật tập chức năng sinh hoạt hàng ngày; Kỹ thuật tập luyện với banh trị liệu; Kỹ thuật xoa bóp cơ bản; Kỹ thuật xoa bóp vùng đầu mặt cổ; Kỹ thuật xoa bóp vùng lưng; Kỹ thuật xoa bóp vùng tay; Kỹ thuật xoa bóp vùng chân; Kỹ thuật vận hành, bảo trì máy và phương tiện VLTL/PHCN; Kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại; Kỹ thuật siêu âm điều trị; Kỹ thuật điều trị sóng ngắn, vi sóng; Kỹ thuật tập hô hấp: tập thở ngực, thở bụng, tập ho, rung, dẫn lưu tư thế; Kỹ thuật xoay trở và đặt tư thế tốt cho người bệnh; Kỹ thuật dịch chuyển tại giường: lăn lật, trồi lên, tụt xuống…; Kỹ thuật tập ngồi dậy tại giường; Kỹ thuật tập thăng bằng, điều hợp ở vị thế ngồi, đứng; Kỹ thuật di chuyển người bệnh từ giường xuống xe lăn, từ ngồi đứng lên; Kỹ thuật giúp người bệnh bước đi; Kỹ thuật tạo thuận chưc năng: lăn lật, ngồi, bò, quỳ, đứng, đi cho trẻ bại não; Hướng dẫn cách sử dụng các loại nẹp, đai trợ giúp bệnh nhân. **Môn học 4:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa thực tập; Thực hành kỹ thuật VLTL cho một số chấn thương thông thường ở trẻ em; Thực hành kỹ thuật Vật lý trị liệu bàn chân khèo; Thực hành kỹ thuật Vật lý trị liệu gãy trên hai lồi cầu xương cánh tay; Thực hành kỹ thuật Vật lý trị liệu gãy thân xương chi dưới ở trẻ em; Thực	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng & Y học cổ truyền	5

		khoa, nội trú...	được đào tạo	nghề		nghiệm KCB			thực hành	hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
								hành kỹ thuật Vật lý trị liệu vẹo cổ bẩm sinh; Thực hành kỹ thuật Vật lý trị liệu cho trẻ bại não; Thực hành kỹ thuật Vật lý trị liệu hô hấp; Phục hồi chức năng cho trẻ chậm phát triển tinh thần; Phục hồi chức năng ngôn ngữ cho trẻ em chậm phát triển trí tuệ; Can thiệp sớm trẻ chậm phát triển trí tuệ; Phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ; Các bộ công cụ phát hiện và đánh giá trẻ tự kỷ; Can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ; Phục hồi chức năng cho trẻ tăng động giảm chú ý.		

Đồng Nai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Đa Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Hồ Kim Loan**	CNXN	Cử nhân kỹ thuật y học	004985/ĐNAI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	31,00	**Môn học 1:** Thực hành điều dưỡng cơ sở **Môn học 2:** Thực hành lâm sàng 1 **Môn học 3:** Thực hành lâm sàng (Mô đun tự chọn: vi sinh - ký sinh trùng) **Môn học 4:** Thực tập lâm sàng (Mô đun tự chọn: Huyết học - Hóa sinh) **Môn học 5:** Thực hành thực tế tốt nghiệp	**Môn học 1:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại bệnh viện nhi; Hướng dẫn nội qui khoa, phòng của bệnh viện. Giải thích, động viên bệnh nhân; Đo nhiệt độ, huyết áp, đếm mạch, nhịp thở; Cho bệnh nhân uống thuốc; Tiêm dưới da, tiêm trong da; Tiêm bắp; Tiêm tĩnh mạch; Lấy máu làm xét nghiệm; Hướng dẫn bệnh nhân lấy nước tiểu và các chất dịch làm xét nghiệm; Di chuyển, vận chuyển người bệnh; Vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ; Rửa tay thường quy; Ghi chép hồ sơ, biểu mẫu **Môn học 2:** - Huyết học Thực hiện lấy mẫu máu mao quản, máu tĩnh mạch làm xét nghiệm huyết học truyền máu; Cách sử dụng mã code quản lý mẫu thử bằng phần mềm quản lý, dán mã code vào mẫu thử, nhập dữ liệu và in kết quả xét nghiệm huyết học; Kỹ thuật kéo lam máu, quan sát hình dạng, màu sắc, kích thước tế bào máu trên kính hiển vi; Thực hiện xét nghiệm huyết đồ bằng máy đếm tế bào tự động; Thực hiện kỹ thuật xác định nhóm máu ABO trên kính; Thực hiện kỹ thuật xác định nhóm máu ABO trên máy (gelcard); Quay ly tâm làm xét nghiệm đông máu; Vận hành máy xét nghiệm đông máu; Kỹ thuật làm phản ứng chéo truyền máu. - Hóa sinh Lấy mẫu máu xét nghiệm hóa sinh, công dụng các loại ống nghiệm sử dụng trong xét nghiệm hóa sinh; Thực hiện/hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu nước tiểu xét nghiệm hóa sinh; Cách sử dụng mã code quản lý mẫu thử bằng phần mềm quản lý, dán mã code vào mẫu thử, nhập dữ liệu và in kết quả xét nghiệm hóa sinh; Quay ly tâm làm xét nghiệm sinh hóa; Vận hành máy sinh hóa tự động; Vận hành máy xét nghiệm nước tiểu; Khảo sát cặn lắng nước tiểu trên kính hiển vi; Vận hành máy xét nghiệm lon đồ - Vi sinh Thực hiện/hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh; Kỹ thuật nhuộm Gram, nhuộm đơn tìm vi khuẩn; Kỹ thuật nhuộm kháng acid tìm vi khuẩn lao; Kỹ thuật làm kháng sinh đồ; Thực hiện cấy phân lập tìm vi khuẩn gây bệnh các mẫu Phân, Đàm, Dịch, Nước tiểu, Máu; Thực hiện các xét nghiệm test nhanh để tìm vi khuẩn, virus gây bệnh (HIV, HBV, HCV ASLO, widal, RPR...) - Ký sinh trùng Thực hiện/hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm ký sinh trùng; Làm tiêu bản nhuộm soi tươi mẫu huyết trắng tìm các ký sinh trùng gây bệnh; Làm tiêu bản nhuộm soi tươi mẫu phân tìm các ký sinh trùng gây bệnh; Kéo lam, nhuộm Giemsa, soi tìm ký sinh trùng sốt rét trên kính hiển vi. **Môn học 3:** Thực hiện/hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh – ký sinh trùng;	Khoa Xét nghiệm	0

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Nguyễn Văn Bông	ThSBS	Bác sỹ	003129/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học	6,00		Làm tiêu bản nhuộm soi các mẫu huyết trắng, phân tìm các loại vi nấm, ký sinh trùng gây bệnh; Kéo lam, nhuộm và đọc kết quả ký sinh trùng sốt rét trên kính hiển vi; Thực hiện khảo sát trực tiếp: nhuộm Gram/ nhuộm đơn/ nhuộm kháng acid; Làm được kháng sinh đồ; Thực hiện phân lập tìm vi khuẩn gây bệnh các mẫu Phân, Đàm, Dịch, Nước tiểu, Máu; Thực hiện các xét nghiệm huyết thanh học để tìm vi khuẩn, vi rus; Thực hiện kỹ thuật ELISA (nguyên tắc, kỹ thuật, cách đọc kết quả...) **Môn học 4:** Thực hiện lấy mẫu máu mao quản, máu tĩnh mạch làm xét nghiệm huyết học và hóa sinh; Vận hành và sử dụng được máy đếm tế bào tự động (Thực hiện trên mẫu bệnh phẩm, quy trình kiểm tra máy trước và sau khi sử dụng, quy trình thực hiện kỹ thuật, các thông số đo được, ý nghĩa, kết quả, cách kiểm tra lại những kết quả bất thường); Kỹ thuật kéo lam máu, quan sát hình dạng, màu sắc, kích thước tế bào máu trên kính hiển vi; Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu ABO, Rhesus, nghiệm pháp Coombs; Vận hành và sử dụng được đông máu tự động (thực hiện trên mẫu bệnh phẩm, quy trình kiểm tra máy trước và sau khi sử dụng, quy trình thực hiện kỹ thuật, các thông số đo được, ý nghĩa các thông số xét nghiệm); Thực hiện quy trình cấp phát máu; Vận hành được máy sinh hóa tự động (chuẩn máy, QC, kiểm tra thuốc thử); Thực hiện xét nghiệm nước tiểu 10 thông số bằng máy tự động; Đọc kết quả cặn lắng nước tiểu trên kính hiển vi; Vận hành máy ion đồ (nguyên tắc của máy, chuẩn máy, QC, thuốc thử; Phân tích được một số chỉ số sinh hóa, huyết học trong một số bệnh thường gặp. **Môn học 5:** - Huyết học Vận hành và sử dụng được máy đếm tế bào tự động (Thực hiện trên mẫu bệnh phẩm, quy trình kiểm tra máy trước và sau khi sử dụng, quy trình thực hiện kỹ thuật, các thông số đo được, ý nghĩa, đọc kết quả, cách kiểm tra lại những kết quả bất thường); Kéo lam, nhuộm và nhận định các loại tế bào máu, làm công thức bạch cầu trên kính hiển vi; Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu ABO, Rhesus, nghiệm pháp Coombs; Vận hành và sử dụng được Đông máu (Thực hiện trên mẫu bệnh phẩm, quy trình kiểm tra máy trước và sau khi sử dụng, quy trình thực hiện kỹ thuật, các thông số đo được, ý nghĩa các thông số, đọc kết quả, cách kiểm tra lại những kết quả bất thường); Thực hiện quy trình cấp phát máu (các loại chế phẩm từ máu, cách bảo quản chúng, quy trình kỹ thuật chứng nhận phù hợp, ý nghĩa của từng bước, các trường hợp cấp phát máu đặc biệt...); Phân tích được kết quả xét nghiệm huyết học - Hóa sinh Quay ly tâm, tách huyết thanh hoặc huyết tương; Vận hành được các máy sinh hóa tự động (các loại xét nghiệm, ý nghĩa của từng loại, phương pháp, các loại mẫu, Chuẩn máy, QC, thuốc thử, kiểm tra lại những kết quả bất thường…); Thực hiện 10 thông số nước tiểu (cách lấy bệnh phẩm, thực hiện kỹ thuật, các sai sót dễ mắc phải, các thông số đọc được, ý nghĩa các thông số, biện luận kết quả, kiểm tra lại các kết quả bất thường); Kỹ thuật xét nghiệm cặn lắng nước tiểu (ly tâm, làm tiêu bản, khảo sát và ghi kết quả); Vận hành máy ion đồ (nguyên tắc của máy, chuẩn bị bệnh phẩm, chuẩn máy, thuốc thử, kiểm tra lại những kết quả bất thường…); Phân tích được kết quả sinh hóa sinh hóa trong một số bệnh thường gặp.		
3	Đàm Thị Kiều Oanh	CNXN	Cử nhân xét nghiệm	002450/ĐNAI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	19,00		- Vi sinh Hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh; Thực hiện khảo sát trực tiếp: nhuộm Gram, nhuộm đơn, nhuộm kháng acid. (nguyên tắc, kỹ thuật, phân tích kết quả, các sai lầm có thể gặp); Làm được kháng sinh đồ các bệnh phẩm thường gặp (cách chọn kháng sinh để đặt cho từng loại vi khuẩn, đặt các đĩa kháng sinh); Thực hiện phân lập tìm vi khuẩn gây bệnh các mẫu Phân, Đàm, Dịch, Nước tiểu, Máu...(vẽ quy trình phân lập và cách đọc, trả kết quả...); Thực hiện các xét nghiệm huyết thanh học để tìm vi khuẩn, virus gây bệnh (ASLO, widal, RPR...); Thực hiện kỹ thuật ELISA (nguyên tắc, kỹ thuật, cách đọc kết quả..); Phân tích được các kết quả xét nghiệm vi sinh. - Ký sinh trùng		

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
4	Trần Thị Vân Anh	CĐXN	Kỹ thuật viên	001881/ĐNAI-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	1,25		Hướng dẫn bệnh nhân cách lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm ký sinh trùng; Làm tiêu bản nhuộm soi các mẫu huyết trắng, tìm ký sinh trùng gây bệnh; Làm tiêu bản nhuộm soi các mẫu phân tìm các loại ký sinh trùng gây bệnh; Làm tiêu bản nhuộm soi các mẫu da, móng, tóc tìm các loại vi nấm, ký sinh trùng gây bệnh (kỹ thuật thực hiện, cách đọc và trả kết quả); Kéo lam, nhuộm và đọc kết quả ký sinh trùng sốt rét trên kính hiển vi; Phân tích được kết quả xét nghiệm ký sinh trùng trong một số bệnh thường gặp.		

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2018

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Đa Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Cao đẳng/ Dược

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Bùi Quốc Tuấn**	DSCKI	Dược lâm sàng	2344/ĐNAI-CCHND	Bán lẻ thuốc thành phẩm	36,00	**Môn học 1:** Thực hành dược lâm sàng cơ bản **Môn học 2:** Thực hành dược lâm sàng nâng cao **Môn học 3:** Thực tập thực tế nghề nghiệp	**Môn học 1:** Theo dõi ghi chép việc kê đơn thuốc trong bệnh án (ít nhất 02 bệnh nhân/khoa điều trị); Mô tả cách tổ chức thông tin thuốc trong bệnh viện (có nội dung kèm theo); Mô tả cách thức ghi chép hồ sơ theo dõi phản ứng có hại của thuốc (kèm theo một hồ sơ cụ thể); Hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc uống; Thu thập các thông tin thuốc đang lưu hành trong bệnh viện. **Môn học 2:** Theo dõi ghi chép việc kê đơn thuốc trong bệnh án hàng ngày; Theo dõi việc sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật; Hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc uống: phân tích chỉ định, liều dùng, thời gian (kèm theo một hồ sơ cụ thể); Mô tả cách thức ghi chép hồ sơ theo dõi phản ứng có hại của thuốc (kèm theo một hồ sơ cụ thể); Mô tả cách thức ghi chép hồ sơ về phối hợp giữa các thuốc, tương tác của thuốc (kèm theo một hồ sơ cụ thể): Mô tả các loại thuốc, hóa chất	Khoa Dược	0
2	Phạm Việt San	DSCKI	Dược lý - Dược lâm sàng	3124/CCHN-D-SYT-ĐNAI	Nhà thuốc	9,00				
3	Đoàn Thị Trần Duyên	Dược sĩ	Dược khoa	1352/ĐNAI-CCHND	Nhà thuốc	29,00				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Nguyễn Tố Giang	ThSDS	Dược lý và dược lâm sàng	2896/CCHN-D-SYT-ĐNAI	Nhà thuốc	5,00		sử dụng trong vệ sinh bệnh viện. **Môn học 3:** Tìm hiểu vị trí, chức năng, tổ chức và nhiệm vụ của khoa Dược bệnh viện; Công tác kiểm nhập, sắp xếp và bảo quản thuốc tại kho thuốc (mỗi kho ít nhất 01 lần); Tham gia cấp phát thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao tại khoa dược (ít nhất cấp phát 05 phiếu); Ghi chép được sổ sách theo dõi thuốc nhập, xuất thuốc hàng ngày; Tham gia thực hiện quy trình cấp phát thuốc bệnh nhân BHYT ngoại trú (ít nhất 01 lần); Tham gia công tác Dược lâm sàng tại bệnh viện; Tham gia hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện; Thực hành tra cứu tương tác thuốc; Công tác theo dõi ADR tại bệnh viện, cách thức tiến hành ghi chép báo cáo ADR; Khảo sát chỉ số kê đơn tại bệnh viện.		
5	Phạm Thị Diễm Thy	CĐ Dược	CĐ Dược	1263/ĐNAI-CCHND	Bán lẻ thuốc thành phẩm, thuốc từ dược liệu, mĩ phẩm, TPCN	29,00				
6	Trần Thị Mỹ Tâm	CĐ Dược	CĐ Dược	1339/ĐNAI-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	5,00				

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lệ Đa Hà

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Trung cấp/ Y sĩ

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Lưu Thị Ngọc Hương**	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	0007943/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	23,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng + Kỹ thuật thăm khám bệnh nhi khoa **Môn học 7:** Thực hiện kỹ năng lâm sàng Nhi 1 **Môn học 11:** Thực hiện kỹ năng lâm sàng Nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa nhi; Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh nhi khoa; Đo dấu hiệu sinh tồn cho trẻ; Tiêm tĩnh mạch (qua kim luồn); Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhi uống thuốc; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Thông tiểu thường; Thông tiểu liên tục; Lấy máu làm xét nghiệm; Di chuyển, vận chuyển người bệnh; Vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ; Rửa tay thường quy; Giúp người bệnh vệ sinh cá nhân, thay drap giường; Kỹ thuật hỏi, thăm khám bệnh nhi mắc bệnh hệ hô hấp. **Môn học 7:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường hô hấp (Viêm phổi/viêm tiểu phế quản/hen phế quản); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường hô hấp (Viêm phổi/viêm tiểu phế quản/hen phế quản);	Khoa Hô hấp 1, Khoa Hô	112
2	Đỗ Ngọc Tuấn	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006479/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
3	Lê Anh Phong	ThSBS	Y khoa	006292/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
4	Lý Hoàng Nghi	BS	Bác sĩ đa khoa	0009686/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
5	Phan Văn Trọng	BS	Bác sĩ	010390/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	1,58				
6	Nguyễn Thị Ngọc	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002536/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	30,00				
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	004992/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	16,00				
8	Nguyễn Thị Thảo	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002401/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	15,00				
9	Nguyễn Thị Lan Phương	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006729/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
10	Nguyễn Thị Bích Huyền	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	0008600/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,25				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
11	Phan Thị Hồng Anh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	0009032/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	3,75		Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường hô hấp (Viêm phổi/viêm tiểu phế quản/hen phế quản); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.	hấp 2	
12	**Phạm Thị Thu Thủy**	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006473/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi-nhiễm	28,00				
13	Lê Anh Phong	ThSBS	Y khoa	006292/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	22,00				
14	Phạm Duy Khánh	BS	Bác sĩ y khoa	0007962/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				
15	Đinh Thiện Hoà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006719/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	29,00				
16	Tống Thị Luyện	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	004988/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
17	Nguyễn Thị Hải	CĐĐD	Điều dưỡng cao đẳng	002391/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	32,00				
18	Đinh Thị Bích Hoà	CĐĐD	Điều dưỡng cao đẳng	002595/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
19	Nguyễn Thị Ngọc Liêm	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002546/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	8,00				
20	Đồng Thị Ngọc Quỳnh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	010579/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	2,08				
21	**Đặng Công Chánh**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006466/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	20,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng + kỹ thuật thăm khám bệnh nhi khoa **Môn học 7:** Thực hành kỹ	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa nhi; Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh nhi khoa; Đo dấu hiệu sinh tồn cho trẻ; Tiêm tĩnh mạch (qua kim luồn); Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhi uống thuốc; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Thông tiểu thường; Thông tiểu liên tục; Lấy máu làm xét nghiệm; Di chuyển, vận chuyển người bệnh; Vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ; Rửa tay thường quy; Giúp người bệnh vệ		
22	Mạc Quốc Dũng	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006487/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	9,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
23	Lê Thị Đẹp	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006287/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	26,00	năng lâm sàng nhi 1 **Môn học 11:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	sinh cá nhân, thay drap giường; Kỹ thuật hỏi, thăm khám bệnh nhi mắc bệnh hệ tiêu hóa. **Môn học 7:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.	Khoa Tiêu hóa	75
24	Đinh Thị Huệ	BS	Bác sĩ đa khoa	0007667/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	7,00				
25	Đàng Nguyễn Ái Vân	BS	Bác sĩ đa khoa	0009518/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,08				
26	Lê Nguyên Thúy Vi	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006723/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	16,00				
28	Trần Thị Thu Hồng	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002378/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
29	Phạm Thị Vân	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002381/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
30	Đặng Kim Thi	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006506/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				
31	Võ Thị Diễm Thi	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	006759/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
32	Nguyễn Thị Bích	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0009327/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	3,25				
33	**Nguyễn Thị Ly Ly**	ThSBS	Bác sĩ y đa khoa	006480/ĐNAI-CCHN, QĐ số: 714/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa siêu âm tim mạch máu	17,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng + kỹ thuật thăm khám bệnh nhi khoa **Môn học 7:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 1 **Môn học 11:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa nhi; Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh nhi khoa; Đo dấu hiệu sinh tồn cho trẻ; Tiêm tĩnh mạch (qua kim luồn); Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhi uống thuốc; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Thông tiểu thường; Thông tiểu liên tục; Lấy máu làm xét nghiệm; Di chuyển, vận chuyển người bệnh; Vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ; Rửa tay thường quy; Giúp người bệnh vệ sinh cá nhân, thay drap giường; Kỹ thuật hỏi, thăm khám bệnh nhi mắc bệnh tim mạch; Kỹ thuật hỏi, thăm khám bệnh nhi mắc bệnh lý thận. **Môn học 7:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh tim mạch (tim bẩm sinh); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh lý thận (viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận	Khoa Tim mạch - Thận	40
34	Nguyễn Quang Tuấn	BS	Bác sĩ đa khoa	0008912/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	3,92				
35	Phạm Minh Hằng	BS	Bác sĩ Y đa khoa	0009643/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
36	Trần Thị Thanh	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	002580/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
37	Đinh Thiện Hoà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006719/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	29,00		lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh tim mạch (tim bẩm sinh); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh lý thận (viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh tim mạch (tim bẩm sinh); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh lý thận (viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.	niệu	
38	Trần Phương Thùy	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006730/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	9,00				
39	Phạm Thị Thanh	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	006731/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	11,00				
40	Nguyễn Thị Huế	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0007946/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	8,00				
41	**Nguyễn Thanh Quyền**	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006165/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	21,00	**Môn học 3:** Thực hành kỹ năng lâm sàng kỹ thuật điều dưỡng + kỹ thuật thăm khám bệnh nhi khoa **Môn học 7:**	**Môn học 3:** Tiếp nhận bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị tại khoa nhi; Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh nhi khoa; Đo dấu hiệu sinh tồn cho trẻ; Tiêm tĩnh mạch (qua kim luồn); Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho bệnh nhi uống thuốc; Cho người bệnh thở oxy; Hút đàm nhớt; Thông tiểu thường; Thông tiểu liên tục; Lấy máu làm xét nghiệm; Di chuyển, vận chuyển người bệnh; Vệ sinh, khử khuẩn, tiệt khuẩn		
42	Hán Bình Thuận	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	006302/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	10,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
43	Chu Văn Thiện	ThSBS	Y khoa	006308/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	27,00	Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 1 **Môn học 11:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	dụng cụ; Rửa tay thường quy; Giúp người bệnh vệ sinh cá nhân, thay drap giường; Kỹ thuật hỏi, thăm khám bệnh nhi mắc bệnh truyền nhiễm. **Môn học 7:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh truyền nhiễm (viêm màng não/sốt xuất huyết/tay chân miệng); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa **thường gặp.** **Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh truyền nhiễm (viêm màng não/sốt xuất huyết/tay chân miệng); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh truyền nhiễm (viêm màng não/sốt xuất huyết/tay chân miệng); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.	Khoa Bệnh Nhiệt đới	100
44	Đinh Thị Trinh	BS	Bác sĩ y đa khoa	0009639/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	2,75				
45	Đinh Thiện Hoà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006719/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	29,00				
46	Trịnh Thụy Phượng Uyên	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007953/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
47	Lê Quốc Song	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002679/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	24,00				
48	Võ Thị Hằng	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002354/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	22,00				
49	Ngô Thị Hòa	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	002726/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	20,00				
50	Trần Thị Thông	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002426ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	15,00				
51	Trần Thị Thùy Tiên	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	0007944/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	7,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
52	Nguyễn Thị Ban	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008801/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,00				
53	**Phạm Anh Tuấn**	BSCKI	Bác sĩ y khoa	006296/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	33,00	**Môn học 7:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 1 **Môn học 11:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	**Môn học 7:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Thay băng vết thương; Thay băng/Cắt chỉ vết thương khâu; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Thay băng vết thương; Thay băng/Cắt chỉ vết thương khâu; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Thay băng vết thương; Thay băng/Cắt chỉ vết thương khâu; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường	Khoa Ngoại tổng hợp	38
54	Chu Văn Lai	ThSBS	Bác sĩ đa khoa	0007098/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	9,00				
55	Phan Trần Đức	BSCKII	Bác sĩ y khoa	006301/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	28,00				
56	Phạm Đức Minh	BSCKI	Bác sĩ đa khoa	0007658/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	8,00				
57	Bùi Đình Hà	BS	Bác sĩ đa khoa	0009687/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại nhi	2,75				
58	Vương Thị Kim Nhung	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002538/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	34,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
59	Nguyễn Thị Thu (B)	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002657/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00		tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.		
60	Lê Thị Mỹ Lệ	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	005566/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	10,00				
61	**Nguyễn Đức Hoài**	BSCKI	Bác sĩ y đa khoa	006550/ĐNAI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội nhi	23,00	**Môn học 11:** Thực hành kỹ năng lâm sàng nhi 2 **Môn học 13:** Thực hành thực tế nghề nghiệp	**Môn học 11:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Thay băng vết thương; Thay băng/Cắt chỉ vết thương khâu; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh tim mạch (tim bẩm sinh); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường hô hấp (Viêm phổi/viêm tiểu phế quản/hen phế quản); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh lý thận (viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh truyền nhiễm (viêm màng não/sốt xuất		
62	Đinh Thiện Hoà	CNĐD	Cử nhân điều dưỡng	006719/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	29,00				

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
63	Lê Thị Hương Xuân	CĐĐD	Điều dưỡng trung học	002585/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00		huyết/tay chân miệng); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp. **Môn học 13:** Đo dấu hiệu sinh tồn cho bệnh nhi; Tiêm tĩnh mạch; Tiêm bắp; Tiêm dưới da; Tiêm truyền dung dịch; Cho trẻ bệnh uống thuốc; Cho người bệnh nhi thở oxy; Hút đàm nhớt; Lấy máu làm xét nghiệm, lấy bệnh phẩm xét nghiệm; Phun khí dung; Thay băng vết thương; Thay băng/Cắt chỉ vết thương khâu; Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh tim mạch (tim bẩm sinh); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường hô hấp (Viêm phổi/viêm tiểu phế quản/hen phế quản); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ bệnh đường tiêu hóa (nhiễm trùng đường ruột/tiêu chảy cấp/viêm ruột thừa/lồng ruột); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh lý thận (viêm cầu thận cấp/hội chứng thận hư); Kỹ thuật hỏi bệnh, thăm khám, đề nghị cận lâm sàng, hoàn tất hồ sơ bệnh án trẻ mắc bệnh truyền nhiễm (viêm màng não/sốt xuất huyết/tay chân miệng); Tư vấn giáo dục sức khỏe cho trẻ bệnh và người nhà của trẻ mắc một số bệnh nhi khoa thường gặp.	Khoa Khám bệnh - Cấp cứu	0
64	Hoàng Thanh Xuân	CĐĐD	Cao đẳng điều dưỡng	002584/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	12,00				
65	Triệu Thị Định	CĐĐD	Cao đẳng Điều dưỡng	0008655/ĐNAI-CCHN	Điều dưỡng	4,25				

		chuyên khoa, nội	đào tạo	nghề		nghiệm KCB	phẩm/tín chỉ		thực hành	cầu thực
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2019

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Thi

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Nguyễn Lê Da Hà